TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 830/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị N, nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lương Hoàn Đ, nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày: Chị và anh Lương Hoàn Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2005. Thời gian đầu, vợ chồng tình cảm bình thường. Nhiều năm trở lại đây, anh Đ hay uống rượu say về đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà. Từ đó, vợ chồng thường cãi vã và đánh nhau, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ. Chị và anh Đ có 03 con chung là Lương Thị Diệu A, sinh ngày 15-01-2007, Lương Thị Tuyết N, sinh ngày 21-6-2011 và Lương

Tuấn T, sinh ngày 04-12-2013. Trong đơn khởi kiện, chị nhận nuôi cả 03 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị thay đổi yêu cầu về nuôi con chung; theo đó, chị nhận nuôi cháu Diệu A, để anh Đ nuôi cháu N và cháu T. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đ trình bày: Anh và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Bản thân chị N không còn tình cảm với anh nên làm đơn ly hôn, rồi chị N bỏ nhà đi đâu thì anh không được rõ. Anh và chị N sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Quan điểm của anh là giữ người ở, không giữ người đi, chị N muốn ly hôn thì Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Anh và chị N có 03 con chung là như chị N trình bày. Hiện nay, các con đang ở cùng anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N nuôi cháu Diệu A, giao cháu N và cháu T cho anh nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, anh làm nghề xây dựng, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, có chỗ ở đảm bảo việc nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Những năm gần đây, cuộc sống chung của chị N và anh Đ không còn hòa thuận, hạnh phúc; thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Từ khoảng đầu năm 2024 đến nay, chị N và anh Đ sống ly thân. Chị N và anh Đ có 03 con chung như chị N trình bày, đang sinh sống cùng anh Đ. Cháu Diệu A có nguyện vọng được ở cùng với chị N. Cháu N và cháu T có nguyện vọng được ở cùng với anh Đ. Hiện nay, cả chị N và anh Đ đều có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ; giao cháu Diệu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N và cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung; bị đơn là anh Lương Hoàn Đ, cư trú tại Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng năm 2005, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 23-5-2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nhiều năm nay, cuộc sống chung của chị N và anh Đ không còn hoà thuận, hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ khoảng đầu năm 2024 đến nay, chị N và anh Đ sống ly thân, mỗi người một nơi. Xét thấy, chị N và anh Đ đã không còn tình cảm với nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh Đ có 03 con chung là Lương Thị Diệu A, sinh ngày 15-01-2007, Lương Thị Tuyết N, sinh ngày 21-6-2011 và Lương Tuấn T, sinh ngày 04-12-2013. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên, điều kiện nuôn con của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Diệu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N và cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Lương Hoàn Đ.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Lương Thị Diệu A, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2007 cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lương Thị Tuyết N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011 và cháu Lương Tuấn T, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2013 cho anh Lương Hoàn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lương Thị N và anh Lương Hoàn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007436 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Lương Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị N và anh Lương Hoàn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Chiến Thắng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt